Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8443.39.90

Mã HS	8443.39.90
Mô tả hàng hóa	Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng / - Máy in khác, máy copy và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 08:41:33
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84433990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13921
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13921
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13921
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13236
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13177
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13177
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13177
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13177
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13177
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13177
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13231
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13231
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13231
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13231

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13231
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13231
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13232
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13232
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13232
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13232
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13232
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13232
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13235
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13183
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13191
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13191
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13191
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13191
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13191
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13191
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13222
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13222
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13222
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13222
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13222
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13222
VCFTA	2022	2022	1	VC!D13271
VCFTA	2023	2023	1	VC!E13271
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13271
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13271

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13271
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13271
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13254
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13254
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13254
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13254
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13254
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13254
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D13254
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E13254
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F13254
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G13254
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H13254
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13254
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D13269
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E13269
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F13269
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13269
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13269
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13269
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D13268
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E13268
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F13268
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13268
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13268
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13268

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13248
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13248
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13248
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13248
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13248
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13248
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13248
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13256
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13256
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13256
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13256
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13256
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13256
RCEP B	2022	2022	0	B!D13256
RCEP B	2023	2023	0	B!E13256
RCEP B	2024	2024	0	B!F13256
RCEP B	2025	2025	0	B!G13256
RCEP B	2026	2026	0	B!H13256
RCEP B	2027	2027	0	B!I13256
RCEP C	2022	2022	0	C!D13256
RCEP C	2023	2023	0	C!E13256
RCEP C	2024	2024	0	C!F13256
RCEP C	2025	2025	0	C!G13256
RCEP C	2026	2026	0	C!H13256
RCEP C	2027	2027	0	C!I13256
RCEP D	2022	2022	0	D!D13255

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13255
RCEP D	2024	2024	0	D!F13255
RCEP D	2025	2025	0	D!G13255
RCEP D	2026	2026	0	D!H13255
RCEP D	2027	2027	0	D!I13255
RCEP E	2022	2022	0	E!D13259
RCEP E	2023	2023	0	E!E13259
RCEP E	2024	2024	0	E!F13259
RCEP E	2025	2025	0	E!G13259
RCEP E	2026	2026	0	E!H13259
RCEP E	2027	2027	0	E!I13259
RCEP F	2022	2022	0	F!D13256
RCEP F	2023	2023	0	F!E13256
RCEP F	2024	2024	0	F!F13256
RCEP F	2025	2025	0	F!G13256
RCEP F	2026	2026	0	F!H13256
RCEP F	2027	2027	0	F!I13256
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12299
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12299
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12299
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12299

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8443.39 có 5 dòng thuế; dòng 8443.39.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8443.39.10 Máy photocopy tĩnh điện, hoạt động bằng cách tái tạo hình ảnh gốc trực tiếp lên bản sao (quá trình tái tạo trực tiếp); 8443.39.20 Máy photocopy tĩnh điện, hoạt động bằng cách tái tạo hình ảnh gốc lên bản sao thông qua bước trung gian (quá trình tái tạo gián tiếp); 8443.39.30 Máy photocopy khác kết hợp hệ thống quang học; 8443.39.40 Máy in phun	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8443.39.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8443.39.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13921), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.